

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04/3/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ksor H'Đuen

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đăng Khoa
2. Bà Tô Thị Phương Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quản Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 12, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Ksor Yanh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Ksor H**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: **bôn T, xã I, tỉnh Gia Lai.**

- Bị đơn: anh **Nay S**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: **bôn T, xã I, tỉnh Gia Lai.**

Chị **B** có mặt, anh **S** vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 18/12/2025, các biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Ksor H** trình bày:*

Chị và anh **Nay S** tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2015 tại **UBND xã I, huyện I** (cũ), nay là **xã I, tỉnh Gia Lai**. Cuộc hôn nhân thời gian đầu bình thường hạnh phúc, đến năm 2023 phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh **S** hay nhắn tin với người phụ nữ khác, đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh không thay đổi, từ đó mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng. Hai bên gia đình đã hòa giải khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân. Hiện chị không còn tình cảm với chồng, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Toà án giải quyết các yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh **Nay S**.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là **Ksor H'Trà M**, sinh ngày 16/8/2016. Hiện nay con đang sống cùng với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh **S** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại đơn xem xét giải quyết việc ly hôn bị đơn anh **Nay S** trình bày:*

Dù vợ chồng có những bất đồng nhưng anh vẫn còn tình cảm sâu đậm với vợ, vẫn yêu thương trân trọng vợ. Anh không muốn con chung phải chịu tổn thương hay mất mát do sự đổ vỡ của gia đình, anh muốn cùng nhau nuôi dạy con tốt hơn. Anh không chấp nhận ly hôn, anh muốn vợ chồng được hàn gắn.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh Gia Lai. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trách nhiệm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong vụ án thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình trong việc cung cấp chứng cứ, tham gia các buổi hòa giải. Các thủ tục tố tụng tại phiên tòa được Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành đầy đủ, đúng thủ tục, các quyền và nghĩa vụ của đương sự tại phiên tòa được bảo đảm thực hiện.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Ksor H**, xử cho chị **H** ly hôn với anh **Nay S**.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị **H**. Giao cho chị **H** trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung **Ksor H'Trà M**, sinh ngày 16/8/2016. Chị **H** không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về án Phí: Buộc chị **H** phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: chị **Ksor H** yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh **Nay S**. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh **Nay S** là bị đơn trong vụ kiện có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống thường xuyên **Bôn Tông S1, xã I, tỉnh Gia Lai**. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Bị đơn anh **Nay S** vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Ksor H** và anh **Nay S** là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hai người tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 10/8/2015 tại **UBND xã I, huyện I** (cũ) nay là **xã I, tỉnh Gia Lai**.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo chị **H** là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh **S** thường xuyên nhắn tin với người phụ nữ khác, dù gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh **S** không thay đổi. Do mâu thuẫn trên nên vợ chồng đã sống ly thân.

Đối với anh **S**, anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn thương yêu vợ con và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng anh **S** đều không đến. Điều đó chứng tỏ anh **S** không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng, không có ý thức hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, cũng như nguyện vọng về việc nuôi con chung.

Như vậy, quá trình chung sống vợ chồng chị **H** và anh **S** phát sinh nhiều mâu thuẫn, mặc dù đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng tình trạng mâu thuẫn không thay đổi, chị **H** giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn. Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị **H** là có căn cứ vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Ksor H** đối với anh **Nay S**.

[3] *Về nuôi con chung*: chị **H** và anh **S** có một con chung tên **Ksor H"Trà M**, sinh ngày 16/8/2016. Chị **H** có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu anh **S** cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị **H** và nguyện vọng của con chung thì thấy rằng con chung đã được chị **B** nuôi dưỡng, chăm sóc bảo đảm điều kiện. Do vậy, căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cho chị **H** trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu anh **S** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Các đương sự không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: chị **Ksor H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Ksor H**.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị **Ksor H** ly hôn với anh **Nay S**.

2. Về nuôi con chung:

Giao cho chị **Ksor H** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên là **Ksor H'Trà M**, sinh ngày 16/8/2016. Hiện tại anh **Nay S** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Thời hạn nuôi con của chị **H** tính từ ngày tuyên án (ngày 04/3/2026) cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh **S** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí:

Chị **Ksor H** phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002502 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Số tiền này được chuyển thành tiền án phí sung công quỹ Nhà nước.

Chị **H** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **Nay S** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể

từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Ksor H'Duen

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa